TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC ST – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **33**/2025/DS-ST Ngày 28-8-2025 "V/v Tranh chấp đòi lại tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC ST – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thanh Loan.

Các Hội Thẩm nhân dân: Ông Phạm Hữu Thắng.

Ông Đào Khel.

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Võ Anh Thảo là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực ST – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực ST – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày các ngày 22 và ngày 28 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực ST – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 165/2025/TLST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2025 về việc "tranh chấp đòi lại tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trương Mỹ H**, sinh ngày: 15/6/19XX (có mặt).

Địa chỉ: Số A, đường A1, khóm A2, phường A3, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Lệ Q (vắng mặt).

Địa chỉ: Số B, đường B1, khóm B2, phường B3, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Nguyễn Văn P**, sinh năm 19XX (có mặt).

2.2. Bà **Trần Thị H**, sinh năm 19XX (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số C, đường C1, khóm C2, phường C3, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/4/2025, cũng như tại phiên toà nguyên đơn bà Trương Mỹ H trình bày:

Trước đây bà Trương Mỹ H có trồng đậu và khoai mì trong khu dân cư 5A chung với vợ chồng ông Nguyễn Văn P và bà Trần Thị H, (đất là đất trống

không biết của ai miễn có đất trống là trồng), đến khoảng tháng 06 năm 2017 do bà H phải đi nước ngoài nên bà H mới bán phần khoai mì đang trồng chưa thu hoạch lại cho vợ chồng ông P và bà H với giá vốn là 65.000.000 đồng; trong khoảng thời gian đó bà H bán tiệm tạp hoá trong khu dân cư 5A thì vợ chồng ông P bà H có mua thiếu các món đồ như phân bón, thuốc sâu, gạo thuốc hút, đậu xanh... tính đến ngày 01/04/2018 tổng cộng là 20.000.000 đồng, tổng cộng hai khoảng trên là 85.000.000 đồng.

Sau đó vợ chồng ông P, bà H thu hoạch khoai mì thì cho rằng lỗ nên hẹn lại sau này có tiền sẽ trả cho bà Trương Mỹ H. Nhưng đến nay ông Nguyễn Văn P và bà Trần Thị H vẫn chưa trả tiền cho bà Trương Mỹ H.

Những vấn đề cụ thể người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bao gồm: Buộc ông Nguyễn Văn P và bà Trần Thị H phải trả cho bà Trương Mỹ H số tiền vốn 85.000.000 đồng, bà H không yêu cầu tính lãi.

** Tại phiên toà bị đơn ông Nguyễn Văn P trình bày:*

Ông P thừa nhận, vào khoảng năm 2017 vợ chồng ông P, bà H có mượn đất và có cất căn chồi tạm trong khu dân cư 5A để làm rẫy trồng đậu, khoai mì như bà H trình bày là đúng. Lúc đó, vợ chồng ông P bà H trồng trước thì bà H vô xin làm chung vợ chồng ông P bà H cũng đồng ý cho làm, vốn thì bà H ra, việc thoả thuận này chỉ là thoả thuận miệng không có làm văn bản gì cả, đến khoảng năm 2018 gì đó thì bà H không bán được khoai mì nên mới để lại cho vợ chồng ông P, bà H bán dùm. Ông P thừa nhận là ông P, bà H có ký vào tờ giấy sang nhượng khoai mì mà bà H cung cấp nhưng chỉ ký vậy thôi chứ không bán được vì đậu bà H đã đem bán hết không cho vợ chồng ông P, bà H hay. Lúc hùn nhau trồng thì vốn bà H ra nhưng bà H cũng đã bán đậu và lấy tiền hết rồi. Sau khi ký tờ sang nhượng khoai mì ngày 15/6/2017 thì không có bán được khoai mì nên vợ chồng ông P, bà H chưa có trả số tiền 65.000.000 đồng cho bà H.

Đối với số tiền 20.000.000 đồng bà H cho rằng bà H bán tạp hoá mà vợ chồng ông P, bà H mua thiếu là hoàn toàn không có, vợ chồng ông P, bà H mua đồ ở chợ đem vô chứ không có mua gì ở tiệm bà H.

Qua yêu cầu của bà H thì ông P không đồng ý, vợ chồng ông P, bà H không có nợ tiền gì của bà H nên không đồng ý trả theo yêu cầu của bà H.

** Tại phiên toà, bị đơn bà Trần Thị H trình bày:*

Bà H cũng thống nhất với lời trình bày của ông P, bà H thừa nhận đối với tờ sang nhượng khoai mì đề ngày 15/6/2017 mà bà H cung cấp trong đó có thể hiện nội dung: *"tôi Trương Mỹ H, nơi thường trú H, H1, TX Sóc Trăng đồng ý sang số khoai mì trồng tại khu 5A cho anh Nguyễn Văn P cùng vợ Trần Thị H bằng số vốn là 65.000.000 đồng khi vợ chồng bán trả đủ số vốn cho cô H"*, phía dưới đều là chữ ký và chữ viết của vợ chồng bà H, ông P. Tuy nhiên chỉ ký vậy thôi chứ không có bán được nên chưa có trả số tiền 65.000.000 đồng cho bà H vì không có bán được khoai mì, trước đó bà H cũng đã bán hết số đậu rồi nên vợ chồng bà H, ông P không đồng ý trả số tiền 65.000.000 đồng cho bà H.

Đối với số tiền 20.000.000 đồng bà H cho rằng vợ chồng bà H có mua đồ tiệm tạp hoá thiếu tổng cộng là 20.000.000 đồng, bà H có cung cấp tờ giấy bà H ghi trên giấy tập học sinh, bà H thừa nhận dòng chữ cuối trang giấy có ghi *"chị năm có nợ cô H 20.000.000 đồng"* là do bà H ghi và bà H có ký tên H nhưng thực tế là không có nợ vì vợ chồng bà H, ông P không có mua bất cứ món đồ gì ở tiệm tạp hoá bà H.

- Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực ST – Cần Thơ trình bày ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng theo quy định tại các điều 68; 70; 71; 86 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến trình bày của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn bà Trương Mỹ H khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn P và bà Trần Thị H có nơi cư trú tại phường B3, thành phố Cần Thơ trả số tiền 85.000.000 đồng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự; quan hệ pháp luật để giải quyết là "Tranh chấp đòi lại tài sản", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực ST – Cần Thơ.

Về nội dung:

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền 85.000.000 đồng, thấy rằng:

Nguyên đơn bà Trương Mỹ H khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn P và bà Trần Thị H trả cho bà H số tiền còn nợ là 85.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình phía nguyên đơn đã cung cấp bản chính:

"Giấy sang nhượng khoai mì ngày 15/6/2017 được viết tay trên giấy tập học sinh, có nội dung tôi Trương Mỹ H, nơi thường trú 376 Lý Thường Kiệt TX Sóc Trăng. Đồng ý sang số khoai mì trồng tại khu 5A cho Anh Nguyễn Văn P, nguyên quán P, LP, Sóc Trăng cùng vợ Trần Thị H, P, LP, Sóc Trăng bằng số vốn 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu) khi vợ chồng bán trả đủ số vốn cho

cô H. Bên dưới có chữ ký của vợ chồng ông P, bà H và chữ viết tên Nguyễn Văn P, Trần Thị H.

Đối với số tiền 20.000.000 đồng bà H cho rằng vợ chồng bà H có mua đồ tiệm tạp hoá thiếu tổng cộng là 20.000.000 đồng, bà H có cung cấp tờ giấy bà H ghi trên giấy tập học sinh, bà H thừa nhận dòng chữ cuối trang giấy có ghi *"chị năm có nợ cô H 20.000.000 đồng"* là do bà H ghi và bà H có ký tên Hà.

[3] Xét thấy chủ thể, hình thức, nội dung của hợp đồng mua bán tài sản nêu trên được thực hiện đúng quy định tại Điều 117, Điều 430 Bộ luật Dân sự 2015. Khi xác lập giao dịch mua bán các bên có thỏa thuận số tiền cụ thể nên được xác định là giao dịch mua bán theo quy định tại Điều 433 Bộ luật Dân sự 2015.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, bị đơn ông P, bà H đều thừa nhận: *"Giấy sang nhượng khoai mì ngày 15/6/2017 được viết tay trên giấy tập học sinh, có nội dung tôi Trương Mỹ H. Đồng ý sang số khoai mì trồng tại khu 5A cho Anh Nguyễn Văn P, bằng số vốn 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu) khi vợ chồng bán trả đủ số vốn cho cô H*. Bên dưới đều là chữ ký của vợ chồng ông P, bà H và chữ viết tên Nguyễn Văn P, Trần Thị H cũng là do ông P bà H viết.

Đối với số tiền 20.000.000 đồng bà H cho rằng vợ chồng bà H có mua đồ tiệm tạp hoá thiếu tổng cộng là 20.000.000 đồng, bà H có cung cấp tờ giấy bà H ghi trên giấy tập học sinh, bà H thừa nhận dòng chữ cuối trang giấy có ghi *"chị năm có nợ cô H 20.000.000 đồng"* là do bà H ghi và bà H có ký tên H. Tuy nhiên, bị đơn ông P, bà H cho rằng chỉ ký vậy thôi chứ không có thoả thuận gì cả, không có nợ tiền mua bán khoai mì vì lúc đó trồng cả đậu và khoai mì, vốn thì của bà H bỏ ra là đúng nhưng bà H cũng đã bán hết phần đậu, còn phần khoai mì này không bán được nên mới để lại cho vợ chồng ông P bà H, đồng thời ông P, bà H cũng không có mua thiếu tiền tạp hoá của bà H nên vợ chồng ông P, bà H không đồng ý trả số tiền 85.000.000 đồng cho bà H nhưng ông P và bà H không đưa ra được bất cứ tài liệu chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ và hợp pháp.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *"Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó"* và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự: *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc".* Xét thấy, bản chính của giấy vay tiền nguyên đơn cung cấp được xem là chứng cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không thừa nhận thì phải đưa ra chứng cứ chứng minh, nhưng bị đơn ông P, bà H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[5] Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Trên thực tế giữa bà Trương Mỹ H và ông Nguyễn Văn P, bà Trần Thị H có giao kết hợp đồng mua bán. Các bên tiến hành giao kết trên nguyên tắc tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Do đó hợp đồng trên được pháp luật bảo vệ và buộc các bên phải thực hiện theo đúng hợp đồng. Xét thấy, ông P, bà H thừa nhận có ký cả hai giấy sang khoai mì số tiền 65.000.000 đồng, giấy mua hàng hoá số tiền 20.000.000 đồng. Tổng cộng là 85.000.000 đồng nhưng đến nay chưa trả là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 440 của Bộ Luật Dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xác định số tiền ông P, bà H còn nợ bà H là 85.000.000 đồng.

[6] Từ những phân tích, nhận định nêu trên buộc bị đơn ông Nguyễn Văn P và bà Trần Thị H phải trả cho nguyên đơn bà Trương Mỹ H số tiền còn nợ là 85.000.000 đồng.

[7] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Từ những phân tích, nhận định trên nên đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

[8] **Về án phí:** Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2, khoản 4 Điều 91; khoản 1 Điều 95; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ: Điều 117; khoản 1 Điều 166; khoản 2 Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trương Mỹ H: Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn P và bà Trần Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn bà Trương Mỹ H số tiền 85.000.000 đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Văn P và bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 4.250.000 đồng.

Nguyên đơn bà Trương Mỹ H thuộc trường hợp được miễn tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Kể từ ngày bà Trương Mỹ H có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bị

đơn ông Nguyễn Văn P, bà Trần Thị H còn phải trả lãi cho bà Trương Mỹ H theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với số tiền vốn chưa thanh toán.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TPCT;
- VKSND KVST - CT;
- Phòng THADS KVST - CT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phan Thanh Loan